

Bản án số: 87/2024/DS-ST

Ngày: 03-4-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Bích Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Võ Thái Quân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Bạch Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.

Địa chỉ liên hệ: phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: tổ E, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

(Bà P có mặt; bà P vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Căn cứ đơn khởi kiện ngày 08/9/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do bà Trần Thị Kim P trình bày:*

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2021, Công ty TNHH G (“Guyomarc’h”) (nay là Công ty TNHH A, gọi viết tắt là ADM) và bà P có ký kết Hợp đồng Mua bán số: 00779CF/2021 (“Hợp Đồng Mua bán”), để mua thức ăn cá nhân hiệu Ocialis của Công ty TNHH A. Mục đích mua bán là để chăn nuôi cá. Sau khi hai bên ký Hợp đồng mua bán, bà P đã mua và nhận của công ty nhiều lần với số lượng hàng hóa thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng như sau: BM/20E0001506, ngày

11/11/2021, BM/20E0001515, ngày 15/11/2021 và BM/20E0001543 ngày 23/11/2023. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán thì phía Công ty A đã hoàn thành nghĩa vụ bán và giao đúng tiêu chuẩn hàng hóa cho bà P. Tuy nhiên, tính tới thời điểm hiện tại, bà P đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận.

Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 28/02/2022 giữa bà P với Công ty TNHH A đến ngày 28 tháng 02 năm 2022, bà P đã mua và còn nợ tiền hàng của Công ty TNHH A là 324.763.000 đồng

Đồng thời, theo thỏa thuận và biên bản xác nhận công nợ trên thì bà P có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền lãi do chậm thanh toán là: 91.697.163 đồng, tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Do đó, nay Công ty TNHH A yêu cầu bà P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty nợ vốn gốc tiền hàng là: 324.763.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2023) là: 91.697.163 đồng; Tổng nợ vốn và lãi là: 416.460.163 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng mua bán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc trên .

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: ngày 29 tháng 10 năm 2021 Công ty TNHH A và bà P có ký kết Hợp đồng mua bán số: 00779CF/2021 để mua bán thức ăn cá nhãn hiệu Ocialis của Công ty TNHH A. Mục đích mua bán là để chăn nuôi cá. Bà P đã mua và nhận đủ hàng hóa của công ty.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán thức ăn cá, bà P đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Theo Biên bản xác nhận Công Nợ ngày 28 tháng 02 năm 2022 do bà P ký xác nhận với công ty thì bà P còn nợ công ty nợ vốn gốc tiền hàng là: 324.763.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng (tạm tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2023) là: 91.697.163 đồng; Tổng nợ vốn và lãi là: 416.460.163 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, và cũng không có văn bản,

không có ý kiến trình bày phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả tiền do vi phạm nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi cá nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng mua bán không thỏa thuận Tòa án giải quyết. Bị đơn có địa chỉ tại xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH A yêu cầu bà Nguyễn Thị P thanh toán tiền mua bán thức ăn chăn nuôi cá còn nợ 324.763.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2023 là 91.697.163 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là: 416.460.163 đồng. Tuy bà P không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện, không tham dự phiên tòa cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: ngày 29 tháng 10 năm 2021 Công ty TNHH A và bà P có ký kết Hợp đồng mua bán số: 00779CF/2021 để mua bán thức ăn cá nhãn hiệu Ocialis của Công ty TNHH A. Mục đích mua bán là để chăn nuôi cá. Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, về nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại Điều Điều 116, 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ biên bản xác nhận Công nợ ngày 28 tháng 02 năm 2022 do bà P ký xác nhận với Công ty TNHH A thì bà P còn nợ công ty nợ vốn gốc tiền hàng là: 324.763.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng hai bên ký kết nên cần tuyên buộc trả cho nguyên đơn vốn là 324.763.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 431 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu trả lãi: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán số: 00779CF/2021 nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tổng vốn và lãi tính đến ngày xét xử (03/4/2024), bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: vốn 324.763.000 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 143.837.196 đồng. Tổng cộng là 468.600.196 đồng. Đồng thời, bị đơn có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng mua bán số 00779CF/2021 kể từ ngày 04/4/2024 cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 430, Điều 431, Điều 431, Điều 440; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng mua bán số: 00779CF/2021 ngày 29/10/2021.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc 324.763.000 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử 03/4/2024 là 143.837.196 đồng. Tổng cộng là 468.600.196 đồng.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị P trả cho Công ty TNHH A tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/4/2024 theo Hợp đồng mua bán số: 00779CF/2021 ngày 29/10/2021.

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH A không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.330.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006595 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.744.000 đồng.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án. Riêng bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân, AG;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Bích Tuyên**